

Số: 01/2026/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 01 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức
và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc
phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và
Luật Viên chức số 52/2019/QH14;*

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành
lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và
biên chế công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và
số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử
dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành
lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý
viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 6
năm 2025 quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân*

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 598/TTr-SNV ngày 23 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định một số nội dung về quản lý tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *TL*

Nơi nhận: *TL*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT.UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ (02 bản);
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Công báo Lào Cai;
- Lưu: VT, NC (Ng).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Anh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về quản lý tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, cấp xã; Người làm việc trong các quỹ tài chính hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ, kiểm soát viên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức hành chính

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Lào Cai, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là sở, ban, ngành);

b) Chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành (gọi chung là chi cục);

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);

d) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (gọi tắt là đơn vị sự nghiệp nhóm 1);

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (gọi tắt là đơn vị sự nghiệp nhóm 2);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (gọi tắt là đơn vị sự nghiệp nhóm 3);

d) Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (gọi tắt là đơn vị sự nghiệp nhóm 4).

3. Các tổ chức quỹ, gồm:

a) Quỹ tài chính;

b) Quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

4. Các tổ chức Hội (trừ Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ).

5. Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm không quá 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (sau đây gọi chung là doanh nghiệp có phần vốn nhà nước).

6. Cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp xã; người giữ chức vụ, chức danh quản lý tại doanh nghiệp có phần vốn nhà nước; người làm việc trong các quỹ tài chính hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập; người lao động hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật, cụ thể gồm:

a) Cán bộ, công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước;

b) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Người giữ chức danh, chức vụ, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Người làm việc trong các quỹ tài chính hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Người lao động hợp đồng theo quy định làm việc trong các cơ quan, đơn vị nêu tại khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 3. Nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

1. Thành lập, tổ chức lại, chuyển giao, thay đổi tên gọi, giải thể; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng cấp phó của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thành lập Hội đồng quản lý, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Quản lý về vị trí việc làm, biên chế cán bộ, công chức trong tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức (sau đây gọi chung là hợp đồng lao động).

4. Quản lý Nhà nước đối với tổ chức quỹ, tổ chức hội thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển), tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; ký hợp đồng lao động.

6. Quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, giao quyền, giao phụ trách, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý.

7. Điều động, chuyển đổi vị trí công tác, chuyển công tác, biệt phái đối với cán bộ, công chức, viên chức.

8. Đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức.

9. Xếp ngạch công chức theo vị trí việc làm; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp; chế độ tiền lương, chính sách lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

10. Xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

11. Nghi hưu, thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức.

12. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

13. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

14. Chế độ báo cáo.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

1. Đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và sự thống nhất quản lý của Nhà nước về công tác tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức. Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về tổ chức, bộ máy, biên chế, vị trí việc làm và cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai; có sự phân cấp trách nhiệm, quyền hạn một số nội dung của cấp trên cho cấp dưới thực hiện theo quy định của pháp luật, nhằm bảo đảm tính hiệu quả trong quản lý, đồng thời phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành và người đứng đầu cơ quan, đơn vị; đáp ứng yêu cầu về phân cấp, ủy quyền và cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đảm bảo quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trước pháp luật, trước cơ quan cấp trên trong việc thực hiện những nội dung được quy định, phân cấp, ủy quyền.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa các khâu của công tác quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế, vị trí việc làm và cán bộ, công chức, viên chức giữa các cấp có thẩm quyền.

5. Quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế, vị trí việc làm và cán bộ, công chức, viên chức gắn liền với việc tăng cường trách nhiệm tự kiểm tra, giám sát chịu trách nhiệm và tăng cường kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Tuân thủ đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục và các quy định của Đảng, Nhà nước về quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế, vị trí việc làm và cán bộ, công chức, viên chức; bảo vệ chính trị nội bộ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 5. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác tổ chức bộ máy

1. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thông qua Đề án thành lập các Quỹ tài chính theo quy định của pháp luật sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển giao, giải thể, thay đổi tên gọi đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành hoặc thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác) sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

3. Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, chi cục và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành hoặc thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác) sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

4. Quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1 và các đơn vị sự nghiệp công lập khác (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

5. Phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

6. Quyết định việc thành lập, kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động, chia tách, sáp nhập và giải thể các Quỹ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác tổ chức bộ máy

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trực thu trực thuộc các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ các nội dung thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh tại khoản 2 Điều 5 Quy định này) sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

2. Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành hoặc thuộc đơn vị

sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (theo quy định của pháp luật chuyên ngành) và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chỉ cục thuộc sở, ban, ngành sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

3. Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1 và các đơn vị sự nghiệp công lập khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh; cho phép các hội cấp tỉnh tổ chức Đại hội theo quy định của pháp luật.

6. Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên quỹ; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cấp lại giấy phép thành lập; công nhận sửa đổi, bổ sung điều lệ; mở rộng phạm vi hoạt động; thu hồi giấy phép thành lập đối với Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh (bao gồm quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã).

Điều 7. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh về vị trí việc làm, biên chế công chức trong cơ quan tổ chức hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, hợp đồng lao động

1. Về vị trí việc làm:

a) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Quyết định vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4.

2. Về biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP

a) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các sở, ban, ngành và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền của tỉnh sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền;

b) Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4 thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Quyết định giao, điều chỉnh số lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trong tổng số chỉ tiêu được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt;

d) Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Thẩm quyền, trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ trì xây dựng đề án, tờ trình về thành lập, tổ chức lại, giải thể, thay đổi tên gọi các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy hoặc Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho chủ trương theo thẩm quyền.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 5, khoản 1, khoản 2 Điều 6 Quy định này sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

3. Lập hồ sơ đề nghị xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Xây dựng, chỉ đạo xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, số lượng cấp phó trong các cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Xây dựng, chỉ đạo xây dựng kế hoạch biên chế cán bộ, công chức hằng năm hoặc theo giai đoạn, điều chỉnh biên chế cán bộ, công chức trong tổ chức hành chính; kế hoạch số lượng người làm việc hằng năm, điều chỉnh số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp nhóm 3, nhóm 4; kế hoạch số lượng hợp đồng lao động hằng năm, điều chỉnh số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

6. Quản lý chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4, số lượng hợp đồng lao động đối với các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trong số chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

7. Thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các hội, quỹ có phạm vi, lĩnh vực hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

8. Quyết định ban hành quy chế làm việc của cơ quan; phê duyệt hoặc giao cho người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc ban hành quy chế làm việc của đơn vị trực thuộc.

9. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định về tổ chức bộ máy; vị trí việc làm; biên chế; số lượng người làm việc; số lượng hợp đồng lao động; quản lý hội, quỹ về Sở Nội vụ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 9. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chủ trì hoặc chỉ đạo xây dựng Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể, thay đổi tên gọi các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định, tham mưu, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và Thường trực Tỉnh ủy xem xét, cho chủ trương theo thẩm quyền;

b) Trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền;

c) Căn cứ chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý;

d) Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, thay đổi tên gọi, quy định tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác) sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền;

e) Xây dựng, chỉ đạo xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4 thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

g) Lập hồ sơ đề nghị xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

h) Xây dựng kế hoạch biên chế cán bộ, công chức hằng năm hoặc theo giai đoạn, điều chỉnh biên chế cán bộ, công chức trong tổ chức hành chính; kế hoạch số lượng người làm việc hằng năm, điều chỉnh số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4; số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP hằng năm, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định;

i) Quản lý biên chế cán bộ, công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4, hợp đồng lao động đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trong số chỉ tiêu được Hội đồng nhân dân cấp xã giao theo quy định của pháp luật; ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp mình;

k) Phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

l) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định về số lượng tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp; vị trí việc làm, tình hình thực hiện biên chế cán bộ, công chức trong cơ quan, tổ chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội, quỹ (nếu có) thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ và cấp có thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, thay đổi tên gọi đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (trừ các nội dung thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã tại điểm đ khoản 1 Điều này) sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền;

b) Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi xã; cho phép các hội cấp xã tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường theo quy định của pháp luật;

c) Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cấp lại giấy phép thành lập; công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện hoạt động trong phạm vi cấp xã, trừ quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản thành lập.

Điều 10. Thẩm quyền, trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2:

a) Xây dựng Đề án tự chủ (về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính) của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo thẩm quyền.

b) Xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định, quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc của đơn vị theo quy định (riêng việc quyết định số lượng người làm việc chỉ được thực hiện sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền); trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì trình Hội đồng quản lý thông qua

trước khi trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt. Hằng năm, báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

c) Quyết định số lượng hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ ở vị trí việc làm do viên chức đảm nhiệm theo Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu sử dụng nhân lực theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1 có đủ điều kiện thành lập Hội đồng quản lý theo quy định, lập hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng quản lý, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4

a) Thực hiện nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 tự đảm bảo dưới 70% chỉ thường xuyên đề xuất số lượng hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ còn thiếu theo định mức quy định của bộ quản lý ngành, lĩnh vực, báo cáo cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập xem xét (trừ trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh), gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, đề xuất số lượng hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ ở vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung còn thiếu so với số lượng theo định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế ban hành, báo cáo cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập xem xét, gửi Sở Nội vụ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP;

3. Ngoài nội dung tại khoản 1, khoản 2 Điều này, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền, trách nhiệm tại Điều 8 Quy định này theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền các nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế cán bộ, công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quy định này và phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (trừ các nội dung thuộc trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh nêu tại khoản 2 Điều 8 Quy định này).

2. Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương về số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2 thuộc tỉnh trước khi các đơn vị quyết định phê duyệt theo quy định.

3. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hội, quỹ tài chính, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và các quy định tại Quyết định này.

Mục 2

QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 12. Tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) công chức, viên chức, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức, quản lý hợp đồng lao động

1. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận (trường hợp phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch) vào làm công chức cấp tỉnh, cấp xã theo quy định;

b) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận (trường hợp phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch) vào làm viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Cho chủ trương việc ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các nội dung tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý;

c) Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1 và nhóm 2 trong việc xây dựng, quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức, đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

d) Cho ý kiến bằng văn bản việc ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP.

4. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận (trường hợp phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch) vào làm công chức tại các tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tổ chức tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Ban hành quyết định tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, xếp ngạch theo vị trí việc làm, xếp lương công chức; hủy bỏ quyết định tuyển dụng theo quy định;

b) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận (trường hợp phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch) vào làm viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4 thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tổ chức tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4 theo kế hoạch đã được

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Ban hành Quyết định tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào viên chức; hủy bỏ quyết định tuyển dụng viên chức theo quy định; quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức sau khi hết thời gian tập sự theo quy định.

Riêng đối với tuyển dụng, tiếp nhận viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

c) Quyết định tiếp nhận vào làm công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với các trường hợp không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch;

d) Chỉ đạo thực hiện ký hợp đồng làm việc đối với viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định;

đ) Ký hợp đồng làm nhiệm vụ của công chức sau khi có chủ trương đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ý kiến đồng ý của Sở Nội vụ; ký hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

5. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2:

a) Xây dựng và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận (trường hợp phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch) vào làm viên chức thuộc cơ quan, đơn vị mà không phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp phê duyệt; tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức theo thẩm quyền. Quyết định tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức; quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng viên chức theo quy định; ký hợp đồng làm việc đối với viên chức theo quy định; quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức sau khi hết thời gian tập sự theo quy định; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự khi không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm liên quan đến đạo đức nghề nghiệp, hoạt động nghề nghiệp đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả tuyển dụng về cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp và Sở Nội vụ để theo dõi;

b) Quyết định tiếp nhận vào làm viên chức không giữ chức vụ quản lý đối với các trường hợp không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch;

c) Ký hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ và công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

6. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4:

a) Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã

xây dựng nhu cầu tuyển dụng, tiếp nhận viên chức theo đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, đề nghị cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, ban hành kế hoạch;

c) Ký hợp đồng làm việc đối với viên chức theo quy định; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự khi không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm liên quan đến đạo đức nghề nghiệp, hoạt động nghề nghiệp đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật;

d) Ký hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ và công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

Điều 13. Xếp ngạch công chức theo vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức

1. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

b) Tổ chức hoặc ủy quyền xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I xếp lương loại A3 đối với viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với xếp ngạch công chức theo vị trí việc làm:

a) Quyết định xếp ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương, chuyên viên chính hoặc tương đương theo vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức được bầu cử, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định;

b) Phê duyệt phương án thay đổi vị trí việc làm đối với công chức thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương khối chính quyền theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định thành lập Hội đồng hoặc ủy quyền quyết định thành lập Hội đồng để đánh giá việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của công chức theo phương án thay đổi vị trí việc làm;

d) Quyết định thay đổi vị trí việc làm và xếp ngạch tương ứng đối với chức danh công chức lãnh đạo, quản lý công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương khối chính quyền thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn hoặc thấp hơn ngạch hiện giữ hoặc có ngạch công chức cùng thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ nhưng khác ngạch hiện giữ;

đ) Quyết định thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương đối với trường hợp công chức công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương khối chính quyền thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn hoặc thấp hơn ngạch hiện giữ.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với chức danh nghề nghiệp viên chức:

a) Quyết định thành lập Hội đồng, Ban giám sát xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển (trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp);

b) Quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương khi trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương khối chính quyền;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 (trừ trường hợp tại điểm c khoản 6 Điều này).

4. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổng hợp cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, đăng ký nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 tại đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4, danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tổ chức xét thăng hạng hoặc ủy quyền tổ chức xét thăng hạng;

b) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I (xếp lương loại A2) và từ hạng II trở xuống đối với viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4 sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng; tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 (nếu được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền).

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng, quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp khi thay đổi vị trí việc làm đối với viên chức (trừ trường hợp tại điểm b, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 6 Điều này); đề xuất Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều này.

d) Xây dựng phương án thay đổi vị trí việc làm đối với công chức thuộc phạm vi quản lý. Quyết định thành lập Hội đồng để đánh giá việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của công chức theo phương án thay đổi vị trí việc làm (nếu được ủy quyền) và đề xuất Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương. Quyết

định thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống đối với trường hợp công chức thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn hoặc thấp hơn ngạch hiện giữ, quyết định thay đổi vị trí việc làm và xếp ngạch tương ứng đối với trường hợp công chức thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức cùng thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ nhưng khác ngạch hiện giữ (trừ trường hợp tại điểm d khoản 2 Điều này).

6. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2

a) Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I (xếp lương loại A3) gửi Sở Nội vụ tổng hợp. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I (xếp lương loại A3) báo cáo cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập xem xét, gửi Sở Nội vụ tổng hợp;

b) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A2 và từ hạng II trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt; tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 (nếu được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền).

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng (bao gồm cả hạng I xếp lương loại A3), xét chuyển chức danh nghề nghiệp khi thay đổi vị trí việc làm đối với các chức vụ, chức danh viên chức do đơn vị quản lý theo phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ.

7. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4:

a) Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập xem xét, tổng hợp.

Điều 14. Chế độ tiền lương

1. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nâng mức thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương khối chính quyền diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền;

b) Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp lương, chế độ phụ cấp đặc thù theo nghề hoặc công việc (nếu có), tiền thưởng và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương (nếu có).

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp lương và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại khoản 1 Điều này;

b) Ban hành hoặc ủy quyền ban hành quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, hưởng chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh);

c) Thực hiện hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp lương, chế độ phụ cấp đặc thù theo nghề hoặc công việc (nếu có), tiền thưởng và các chế độ, chính sách khác theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý (theo phân cấp tổ chức cán bộ) theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) kết quả thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp lương và các chế độ chính sách đãi ngộ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phục vụ kiểm tra theo quy định.

Điều 15. Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, giao quyền, giao phụ trách, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, cho thôi giữ chức vụ, điều động, tiếp nhận, luân chuyển, biệt phái, chuyển công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức

1. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, giao quyền, giao phụ trách, giới thiệu ứng cử, tái cử, phê chuẩn, miễn nhiệm, cho từ chức, cho thôi giữ chức vụ, điều động, tiếp nhận, luân chuyển, biệt phái đối với cán bộ, công chức, viên chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý sau khi có chủ trương đồng ý

của cấp có thẩm quyền. Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này;

b) Ban hành quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý trên cơ sở nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Cho chủ trương đề công chức, viên chức diện Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý được đi liên hệ công tác ra ngoài phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị:

Quyết định tiếp nhận, điều động công chức, viên chức ngoài tỉnh về công tác tại các cơ quan, đơn vị khối chính quyền trong tỉnh (trừ đối tượng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định);

Giới thiệu đề công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan, đơn vị khối chính quyền thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được đi liên hệ công tác tại ra ngoài phạm vi quản lý của tỉnh; quyết định điều động đề công chức, viên chức chuyển công tác ra ngoài tỉnh sau khi có ý kiến đồng ý tiếp nhận của cơ quan nơi đến (trừ đối tượng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định);

c) Cho ý kiến về việc biệt phái viên chức làm công việc ở vị trí việc làm của công chức để các cơ quan, đơn vị, địa phương khối chính quyền căn cứ thực hiện.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại khoản 1 Điều này theo quy định;

b) Hoàn thiện hồ sơ, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý trong cơ quan, đơn vị theo quy định;

c) Quyết định hoặc ủy quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, giao quyền, giao phụ trách, miễn nhiệm, cho từ chức, cho thôi giữ chức vụ đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định. Các chức danh thuộc diện sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này;

d) Quyết định hoặc ủy quyền điều động, tiếp nhận, biệt phái, chuyển công tác đối với công chức, viên chức trong phạm vi nội bộ thuộc thẩm quyền quản lý; Quyết định điều động, tiếp nhận, biệt phái, chuyển công tác đối với công chức, viên chức giữa các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, Quỹ tài chính hoạt

động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân xã, phường, giữa khối Đảng, đoàn thể và khối Nhà nước (và ngược lại) của tỉnh theo quy định (trừ đối tượng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định);

d) Quyết định tiếp nhận vào làm công chức, viên chức để bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền tại cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định biệt phái viên chức làm công việc ở vị trí việc làm của công chức (sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ).

g) Riêng đối với điều động, chuyển chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, thay đổi vị trí việc làm đối với viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Điều 16. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

1. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền;

b) Quyết định việc bố trí, phân bổ kinh phí đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy quản lý thuộc khối chính quyền đi đào tạo ở trong nước và nước ngoài; đi bồi dưỡng nghiệp vụ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các học viện trực thuộc sau khi có ý kiến phê duyệt của Thường trực Tỉnh ủy;

b) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý trở lên (trừ các trường hợp tại điểm a khoản này) đi đào tạo ở trong và ngoài nước; đi bồi dưỡng ở nước ngoài; đi bồi dưỡng ở trong nước từ 3 ngày trở lên sau khi có ý kiến phê duyệt của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức (trừ các trường hợp tại điểm a, điểm b khoản này) đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo Chương trình, Đề án của tỉnh, Kế hoạch của các bộ, ngành Trung ương hoặc các Chương trình tài trợ của chính phủ, tổ chức nước ngoài (có văn bản triển khai qua Ủy ban nhân dân tỉnh); Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tổng hợp, thẩm định, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (hàng năm và giai đoạn); hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch sau

khi được phê duyệt; tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

b) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều này.

4. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo các kế hoạch giai đoạn, hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành;

b) Quyết định cử công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý tham gia đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước; phối hợp với Sở Ngoại vụ cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo quy định về quản lý các hoạt động đối ngoại của tỉnh, trừ các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Đánh giá kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm và theo yêu cầu.

Điều 17. Kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức

1. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Quyết định xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức (thuộc khối chính quyền) diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý sau khi có kết luận của cấp có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định) xem xét, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị diện quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định hoặc ủy quyền quyết định xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định và phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ. Chỉ đạo người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc xử lý kỷ luật đối với viên chức theo quy định của pháp luật;

c) Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

Điều 18. Nghỉ hưu, thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức

1. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thông báo, quyết định nghỉ hưu, thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức (thuộc khối chính quyền) diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý sau khi có chủ trương hoặc thông báo của cấp có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định) xem xét, quyết định nghỉ hưu, thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

b) Lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định) cho cán bộ, công chức, viên chức thôi việc theo nguyện vọng cá nhân hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh (nếu có); quyết định cho công chức, viên chức thôi việc sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt;

c) Quyết định hoặc ủy quyền quyết định nghỉ hưu, thôi việc đối với công chức; nghỉ hưu đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định. Chỉ đạo người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc giải quyết thôi việc đối với viên chức theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Quản lý người làm việc tại các Quỹ tài chính hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập

Các Quỹ có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trường hợp Quỹ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) hoặc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành (trường hợp Quỹ trực thuộc sở, ban, ngành) theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Quy định này.

Điều 20. Quản lý người giữ chức vụ, chức danh tại doanh nghiệp Nhà nước và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

1. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty sau khi có kết luận của Thường trực Tỉnh ủy;

b) Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với kiểm soát viên, thành viên hội đồng thành viên (nếu có) tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

c) Quyết định đánh giá, cử, cử lại, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người đại diện phần vốn nhà nước sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền;

d) Có ý kiến đồng ý bằng văn bản trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

đ) Phê duyệt chủ trương theo đề nghị của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc; Phó Giám đốc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty.

Đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc cho ý kiến, chủ trương đối với các nội dung tại khoản 1 Điều này để quyết định theo thẩm quyền.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, QUẢN LÝ HỒ SƠ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Ban hành kế hoạch, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về công tác quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên phạm vi toàn tỉnh theo quy định của pháp luật

2. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan đến công tác quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

b) Quyết định xử lý kỷ luật hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với tập thể, cá nhân vi phạm được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra.

c) Xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành về công tác quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Thanh tra tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện thanh tra (đối với Chánh Thanh tra tỉnh), kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Phát hiện và thu hồi hoặc đình chính các quyết định, văn bản do cơ quan, đơn vị ban hành trái với quy định của pháp luật. Xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm quy định về công tác quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

c) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm chính khi để xảy ra vi phạm hoặc không chỉ đạo xử lý khi có dấu hiệu vi phạm trong công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi trực tiếp lãnh đạo, quản lý.

Điều 22. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và chế độ báo cáo

1. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

b) Sở Nội vụ có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, phê chuẩn kết quả bầu cử đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Phát hành hồ sơ, thẻ công chức, viên chức, quản lý hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức (nếu có) theo quy định;

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, quỹ hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có phần vốn nhà nước có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ gốc và cập nhật thông tin hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị theo quy định.

2. Chế độ báo cáo

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo báo cáo các nội dung phân công, phân cấp quản lý tổ chức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gửi đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

b) Sở Nội vụ có trách nhiệm triển khai, tổng hợp, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo các nội dung về phân công, phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh;

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm định kỳ 6 tháng (trước ngày 30/6) và 01 năm (trước ngày 15/12) hoặc yêu cầu đột xuất gửi báo cáo kết quả thực hiện các nội dung phân công, phân cấp về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ theo quy định.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được áp dụng Quy định này như đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định hiện hành của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Ủy ban nhân dân tỉnh chưa sửa đổi, bổ sung Quy định này thì thực hiện theo các văn bản mới.

3. Người đứng đầu các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, quỹ tài chính hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng nội dung quy định này; đồng thời cụ thể hóa việc phân công, ủy quyền quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ cho các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật và quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương./.